

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **201/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 28-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích P, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Dương Văn G, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-5-2017 và Biên bản hòa giải ngày 10-7-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Bích P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích P và anh Dương Văn G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn do anh G thường xuyên uống rượu, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị P. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị P và anh G có 01 con chung là Dương Kỳ A (nữ), sinh ngày 01-01-2008. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi cháu Kỳ A theo nguyện vọng của cháu; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị P tự thỏa thuận với anh G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 10-7-2017, bị đơn là anh Dương Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Anh G thống nhất với lời trình bày của chị P về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Anh G xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh có uống rượu, về nhà vợ chồng hay cãi nhau. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 người con đúng như chị P trình bày. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận cho ly hôn, anh G đồng ý giao cháu Kỳ A cho chị P nuôi dưỡng; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh thống nhất tự thỏa thuận với chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 07-7-2017 thể hiện nguyện vọng của cháu Dương Kỳ A được chung sống với chị P, vì chị P lo lắng, chăm sóc cho cháu tốt hơn. Cháu Kỳ A rất yêu thương cha nhưng anh G thường xuyên uống rượu về la mắng, đánh chị P và cháu nên cháu không muốn sống cùng với anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh G.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh G tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân được sự thống nhất của gia đình thân tộc và có tổ chức lễ cưới. Tuy chị P và anh G xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống cho đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kỳ A theo nguyện vọng của cháu; trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận cho ly hôn, anh G đồng ý giao cháu Kỳ A cho chị P nuôi dưỡng; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị P và anh G là trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đúng như nguyện vọng của cháu Kỳ A tại văn bản ghi nguyện vọng của cháu ngày 07-7-2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, giao cháu Dương Kỳ A (nữ), sinh ngày 01-01-2008 cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị P và anh G không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Sau khi ly hôn chị P và anh G thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Bích P và anh Dương Văn G là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Kỳ A (nữ), sinh ngày 01-01-2008 cho chị Trần Thị Bích P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Văn G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, ngày 01 tháng 6 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị Bích P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Minh Út